

Số: /QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2030”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT;

Căn cứ Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về chăn nuôi và thú y;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò, giai đoạn 2022 - 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại, giai đoạn 2022 - 2030”;

Căn cứ Quyết định 889/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Kế hoạch quốc gia triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, giai đoạn 2023 - 2030”.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 9693/TTr-SNNMT-CCNTY ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc ban hành “Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2.

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan thường trực chủ trì triển khai thực hiện Chương trình; tổng hợp, tham mưu, đề xuất Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Côn Đảo triển khai thực hiện và kịp thời đề xuất giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2. Giao Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu căn cứ Chương trình này, khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hằng năm trên địa bàn.

3. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí theo phân cấp ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Côn Đảo, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Y tế, An toàn thực phẩm, Công Thương, Văn hóa và Thể thao, Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Công an Thành phố, Chỉ huy trưởng Chi cục Hải quan Khu vực 2, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng Thành phố và Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: các PCVP;
- Phòng ĐT (PTP HĐT);
- Lưu: VT; (ĐT/Thi).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Thạnh

CHƯƠNG TRÌNH

**Giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật
trên cạn tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. SỰ CẦN THIẾT

Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được của Chương trình giám sát, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh giai đoạn 2021 - 2025, trong đó tập trung nâng cao năng lực giám sát chủ động, cảnh báo sớm nguy cơ phát sinh dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, nhất là các bệnh truyền lây từ động vật sang người.

Chủ động kiểm soát các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật, các bệnh truyền lây giữa động vật sang người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm ổn định sản xuất, giảm tổn thất kinh tế và đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

Nâng cao năng lực phòng, chống các bệnh truyền nhiễm mới nổi và tái nổi, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm sẵn sàng ứng phó với nguy cơ xâm nhập mầm bệnh từ bên ngoài thông qua hoạt động thương mại, du lịch, vận chuyển động vật có nguy cơ truyền bệnh.

Định hướng phát triển chăn nuôi theo hướng tuần hoàn, an toàn sinh học, nâng cao chất lượng giống vật nuôi và an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là khuyến khích xây dựng chuỗi cung ứng động vật và sản phẩm động vật an toàn.

Việc xây dựng và duy trì vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh là yêu cầu cấp thiết nhằm thống nhất việc giám sát dịch bệnh giữa các địa phương, bảo vệ vùng chăn nuôi trọng điểm, tăng cường năng lực quản lý dịch bệnh động vật, nhằm kiểm soát hiệu quả nguồn lây, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo sớm và phản ứng nhanh đối với các nguy cơ bệnh Cúm gia cầm, bệnh Lở mồm long móng, bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò, bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, bệnh Tai xanh, bệnh Lao, bệnh Sảy thai truyền nhiễm, bệnh Đại, bệnh Xoắn khuẩn...

Duy trì và mở rộng các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, nhất là đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm có khả năng lây lan nhanh hoặc lây từ động vật sang người như Cúm gia cầm, Đại,...

Hướng đến xây dựng hệ thống chăn nuôi an toàn, bền vững, nâng cao năng lực hội nhập.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giám sát định kỳ hằng năm tối thiểu 80% các trang trại chăn nuôi giống quy mô lớn trên địa bàn Thành phố đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật.

b) Quản lý được trên 90% số hộ nuôi chó, mèo; tiêm vắc xin phòng bệnh Đại trên 90% tổng đàn chó, mèo nuôi đã được thống kê.

c) Duy trì 110 cơ sở chăn nuôi heo đã được công nhận an toàn dịch bệnh động vật, trong đó

- An toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng: 03 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Dịch tả heo: 02 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Dịch tả heo Châu Phi: 30 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng và bệnh Dịch tả heo: 26 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng và bệnh Dịch tả heo Châu Phi: 06 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Dịch tả heo và bệnh Dịch tả heo Châu Phi: 03 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng, bệnh Dịch tả heo và bệnh Dịch tả heo Châu Phi: 38 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng, bệnh Dịch tả heo và bệnh Tai xanh: 01 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng, bệnh Dịch tả heo, bệnh Tai xanh, bệnh Tụ huyết trùng, bệnh Xoắn khuẩn, Bệnh viêm dạ dày ruột truyền nhiễm trên heo: 01 cơ sở.

d) Duy trì 160 cơ sở chăn nuôi gia cầm đã được công nhận an toàn dịch bệnh động vật, trong đó

- An toàn dịch đối với bệnh đối với bệnh Cúm gia cầm: 106 cơ sở;
- An toàn dịch đối với bệnh đối với bệnh Niu-cát-xơn: 02 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh đối với bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xơn: 46 cơ sở.
- An toàn dịch đối với bệnh đối với bệnh Cúm gia cầm, bệnh Niu-cát-xơn và bệnh Gum-bô-rô: 06 cơ sở.

e) Duy trì 17 cơ sở chăn nuôi bò đã được công nhận an toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng

g) Duy trì vùng đặc khu Côn Đảo đã được công nhận an toàn dịch đối với bệnh Đại trên chó, mèo, bệnh Cúm gia cầm và bệnh Niu-cát-xơn.

h) Năm 2026, phấn đấu xây dựng xã Củ Chi an toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng gia súc; xây dựng 20 xã, phường an toàn dịch đối với bệnh Đại

trên chó, mèo và 05 xã, phường an toàn dịch đối với bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon.

i) Các năm tiếp theo, duy trì các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đã được công nhận; phấn đấu hằng năm, xây dựng mới từ 01 đến 02 xã, phường an toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng gia súc, 10 xã, phường an toàn dịch đối với bệnh Đại trên chó, mèo và 05 xã, phường an toàn dịch đối với bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon.

k) Phấn đấu đến năm 2030, không có người tử vong do bệnh Đại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; 100% các trang trại chăn nuôi giống quy mô lớn được công nhận an toàn dịch đối với bệnh Lở mồm long móng, bệnh Cúm gia cầm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về thông tin và tuyên truyền

Đa dạng hóa và hiện đại hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông, bao gồm: truyền thông học đường; phóng sự truyền hình; phát sóng trên đài phát thanh địa phương; đăng tải bài viết trên báo điện tử; in ấn tờ rơi, pa-nô, áp phích tại nơi công cộng; đồng thời khai thác hiệu quả mạng xã hội với những thông tin ngắn gọn, thiết thực. Dự kiến triển khai 108 buổi/năm.

Đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông và phổ biến pháp luật đến các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y, đặc biệt là các quy định liên quan đến giám sát dịch bệnh động vật và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Ủy ban nhân dân cấp xã, các đoàn thể triển khai các chiến dịch truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật về chăn nuôi và thú y, phát huy trách nhiệm trong việc ngăn chặn nguy cơ phát tán mầm bệnh, đặc biệt là từ các địa phương khác đưa vào Thành phố.

Nâng cao nhận thức cộng đồng, đặc biệt là người chăn nuôi về tầm quan trọng của khai báo kiểm dịch khi xuất, nhập đàn vật nuôi; tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, VietGAP; xử lý chất thải và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi

Tập trung truyền thông sâu rộng đối với nhóm cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi về quy định của Luật Chăn nuôi trong quản lý chất lượng giống. Gắn nội dung tuyên truyền với chương trình xây dựng chuỗi cung ứng giống vật nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo cung cấp con giống an toàn cho người chăn nuôi để phục vụ tái đàn và phát triển chăn nuôi bền vững.

Công khai, minh bạch hóa thông tin về cơ sở an toàn dịch bệnh, thường xuyên cập nhật và đăng tải danh sách các vùng, cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh trên các cổng thông tin điện tử của Cục Chăn nuôi và Thú y và Chi cục Chăn nuôi và Thú y Thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho việc truy xuất, giám sát và quản lý dịch bệnh.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về sự nguy hiểm của các bệnh truyền nhiễm lây từ động vật sang người.

2. Quản lý đàn gia súc, gia cầm và quản lý đàn chó, mèo nuôi

a) Quản lý đàn gia súc, gia cầm

Hướng dẫn cơ sở chăn nuôi theo dõi, giám sát sức khỏe vật nuôi thường xuyên; khi phát hiện dấu hiệu nghi ngờ mắc bệnh, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, phải thực hiện cách ly kịp thời và báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

Khuyến khích nhân rộng các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa quy trình chăn nuôi, chăn nuôi tuần hoàn, bền vững, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm chăn nuôi.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chăn nuôi và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tại hộ chăn nuôi; lồng ghép việc triển khai hiệu quả Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn liên quan. Yêu cầu chủ vật nuôi có trách nhiệm khai báo chăn nuôi theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Thực hiện cập nhật và quản lý chặt chẽ biến động tổng đàn gia súc, gia cầm theo từng địa bàn cấp xã để làm cơ sở xây dựng kế hoạch tiêm phòng, giám sát dịch bệnh và các hoạt động phòng, chống dịch bệnh hằng năm một cách chủ động, hiệu quả.

Hướng dẫn người chăn nuôi thường xuyên thực hiện vệ sinh khử trùng, tiêu độc chuồng trại theo hướng dẫn tại Phụ lục số 08 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thống kê quản lý đàn gia súc, gia cầm và công tác tiêm phòng, dịch tễ để phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác thú y.

b) Quản lý đàn chó, mèo nuôi

Chủ nuôi chó, mèo có trách nhiệm khai báo việc nuôi chó, mèo với Ủy ban nhân dân cấp xã. Cam kết nuôi nhốt chó, mèo trong khuôn viên gia đình; chó, mèo khi đưa ra khỏi nhà phải được xích, rọ mõm và có người dắt đề phòng cắn người; không phóng uế bừa bãi nơi công cộng. Nếu để chó, mèo thả rông cắn người, phải chi trả những chi phí liên quan cho người bị chó, mèo cắn theo quy định; nuôi chó tập trung phải bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y, không gây ồn ào, ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách quản lý các hộ nuôi chó, mèo tại địa phương. Định kỳ tối thiểu 02 lần/năm, báo cáo cập nhật số liệu các hộ nuôi và tổng đàn chó, mèo cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y). Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hành chính trong quản lý nuôi chó mèo, không tiêm vắc xin Đại cho chó mèo theo quy định; căn cứ tình hình thực

tiền quyết định thành lập đội bắt chó mèo thả rong và động vật nghi mắc bệnh Đại, cưỡng chế tiêm vắc xin Đại cho chó, mèo.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đàn chó, mèo nuôi và công tác tiêm phòng vắc xin Đại.

3. Tiêm phòng vắc xin

a) Tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm

Căn cứ tình hình thực tiễn về chăn nuôi, khả năng cân đối ngân sách để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân ban hành chính sách hỗ trợ tiêm vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố, tập trung vào các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm bắt buộc tiêm phòng theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện công tác đấu thầu mua vắc xin phòng bệnh động vật trên địa bàn Thành phố theo chính sách hỗ trợ tiêm vắc xin phòng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cho đàn gia súc, gia cầm; xây dựng kế hoạch, tổ chức và hướng dẫn thực hiện tiêm phòng đại trà cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch định kỳ 02 đợt/năm. Đồng thời, thường xuyên rà soát, cập nhật tổng đàn vật nuôi; tổ chức tiêm phòng bổ sung theo lứa tuổi nhằm duy trì và nâng cao tỷ lệ tiêm phòng.

b) Tiêm phòng vắc xin Đại cho đàn chó, mèo

Chi cục Chăn nuôi và Thú y triển khai công tác tiêm vắc xin Đại cho đàn chó, mèo trên phạm vi Thành phố đồng loạt vào cùng một thời điểm; ưu tiên tiêm tập trung tiêm vắc xin Đại cho đàn chó, mèo vào trước thời điểm các tháng nắng nóng; thường xuyên rà soát tiêm phòng bổ sung cho đàn chó, mèo mới phát sinh hoặc chưa được tiêm phòng trước đó. Hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận tiêm phòng bệnh Đại theo quy định và định kỳ đánh giá kết quả triển khai tiêm phòng.

Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí các nguồn lực cần thiết để triển khai tiêm phòng vắc xin Đại cho đàn chó, mèo tại địa phương. Có trách nhiệm tuyên truyền, vận động chủ nuôi chó, mèo tích cực phối hợp với cơ quan chuyên ngành chăn nuôi và thú y để triển khai tiêm phòng vắc xin Đại cho đàn chó, mèo.

Những người có chứng chỉ hành nghề thú y, các cơ sở có đủ điều kiện hành nghề tiêm phòng, khám, điều trị bệnh cho chó, mèo thực hiện tiêm phòng vắc xin Đại cho chó, mèo và cấp Giấy chứng nhận tiêm phòng (hoặc sổ tiêm phòng) theo quy định, thực hiện việc báo cáo số liệu tiêm phòng theo hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

4. Giám sát khống chế và xử lý dịch bệnh

Tăng cường vai trò các đoàn kiểm tra liên ngành phòng chống, dịch bệnh động vật các cấp, tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi, vận chuyển, giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn.

Tổ chức lấy mẫu giám sát định kỳ, đột xuất tại các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, các địa điểm trung chuyển động vật, kinh doanh gia cầm sống và khu vui chơi giải trí có động vật, đặc biệt chú trọng gia súc, gia cầm nhập từ các tỉnh có nguy cơ cao nhằm kiểm soát dịch bệnh từ sớm, từ xa; tăng cường lấy mẫu bệnh phẩm trong trường hợp xuất hiện ca bệnh hoặc nghi ngờ để chẩn đoán, phát hiện sớm các tác nhân vi rút gây bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

Thực hiện đánh giá hiệu quả sau từng đợt tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm, qua đó kịp thời phát hiện và khắc phục các hạn chế, sai sót trong quá trình tổ chức tiêm phòng, nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác tiêm phòng.

Chủ động giám sát phát hiện các chủng vi rút gây bệnh đang lưu hành và bệnh mới nổi để có biện pháp cảnh báo, xây dựng phương án phòng, chống dịch bệnh hiệu quả và kịp thời.

5. Quản lý kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ động vật

Xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng động vật và sản phẩm động vật, bao gồm nguồn gốc từ các tỉnh đưa về Thành phố giết mổ, nhằm ổn định dịch tễ, cung cấp nguồn thực phẩm an toàn cho người dân Thành phố.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn tình trạng vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không bảo đảm điều kiện sinh thú y, an toàn thực phẩm vào địa bàn Thành phố; xử lý các điểm kinh doanh, giết mổ gia súc, gia cầm trái phép.

Tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho người quản lý, người trực tiếp tham gia giết mổ về đối xử nhân đạo trong vận chuyển, giết mổ, quy trình kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường.

Tổ chức kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quy trình giết mổ và điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố, bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2022/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), nhằm ngăn chặn nguy cơ lây lan dịch bệnh, loại bỏ sản phẩm không đạt chuẩn và cung cấp thực phẩm an toàn cho người tiêu dùng.

Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y, Sở An toàn thực phẩm xem xét bố trí các điểm tập trung buôn bán gia cầm sống và sản phẩm gia cầm đảm bảo vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm tại các chợ, các khu vực cố định tại địa phương.

6. Phối hợp trong công tác phòng, chống, xử lý dịch bệnh động vật

Cơ quan chuyên ngành chăn nuôi và thú y thực hiện:

Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các sở, ngành liên quan trong việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật; đồng thời triển khai hiệu quả công tác điều tra, khoanh vùng và xử lý kịp thời các ổ dịch phát sinh trên địa bàn.

Phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế trong việc chia sẻ thông tin, điều tra dịch tễ và xử lý các bệnh truyền nhiễm có khả năng lây từ động vật sang người; đồng thời đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về các bệnh truyền lây chung theo đúng quy định chuyên môn.

Phối hợp với ngành Giáo dục trong công tác tuyên truyền kiến thức về các bệnh truyền lây từ động vật sang người cho học sinh, sinh viên nhằm nâng cao ý thức phòng bệnh ngay từ lứa tuổi học đường.

Phối hợp với ngành Công thương, Công an thực hiện ngăn chặn, xử lý các trường hợp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không có Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Phối hợp với cơ quan chuyên ngành chăn nuôi và thú y các tỉnh, thành phố trong việc trao đổi thông tin dịch tễ, phối hợp phòng, chống dịch bệnh; kiểm soát chặt chẽ hoạt động giết mổ, kiểm dịch vận chuyển động vật và sản phẩm động vật, nhất là đối với nguồn hàng nhập về tiêu thụ tại Thành phố từ các địa phương có nguy cơ cao.

Tăng cường hợp tác với các chuyên gia, tổ chức quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống dịch bệnh động vật thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho; tổ chức tham quan, học tập các mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh tiên tiến tại các địa phương; chia sẻ kinh nghiệm và cập nhật giải pháp xử lý đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

7. Đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư nâng cấp trang thiết bị trong chẩn đoán bệnh động vật

Tiếp tục củng cố hệ thống nhân viên thú y xã, phường theo Luật Thú y, Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y và Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn, đảm bảo lực lượng này hoạt động hiệu quả.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ thú y các cấp, đặc biệt trong các lĩnh vực: điều tra ổ dịch, phân tích dịch tễ, chẩn đoán bệnh truyền nhiễm, kiểm soát an toàn sinh học và ứng phó nhanh với dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý dịch tễ, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông qua phần mềm quản lý dịch bệnh, nhằm truy xuất nguồn gốc và cảnh báo dịch bệnh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và dự báo nguy cơ phát sinh dịch.

Phối hợp với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế để tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học cho nhân sự của Thành phố, nhằm nâng cao năng lực trong công tác xác định tác nhân gây bệnh, từ đó đề xuất giải pháp phòng ngừa hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố.

8. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật cho các cơ sở chăn nuôi về lợi ích, quy trình và tiêu chí xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; từ đó nâng cao nhận thức, khuyến khích các chủ cơ sở tích cực tham gia, đặc biệt là các trang trại quy mô lớn, cơ sở sản xuất giống vật nuôi và đơn vị tham gia chuỗi cung ứng thực phẩm. Phổ biến các nội dung xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo tiêu chí của Tổ chức Thú y thế giới.

Việc đăng ký và thẩm định đánh giá được thực hiện theo tiêu chí tại của Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

Ưu tiên hỗ trợ các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, truy xuất được nguồn gốc, tạo điều kiện thuận lợi trong kết nối với các đơn vị giết mổ tập trung, chế biến và phân phối trên địa bàn Thành phố và khu vực lân cận.

9. Biện pháp ứng phó, xử lý ổ dịch, chống dịch

Thực hiện việc xử lý ổ dịch theo quy định của Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thú y.

a) Chủ gia súc thực hiện các biện pháp xử lý ổ dịch bao gồm

Cách ly ngay động vật mắc bệnh hoặc có dấu hiệu mắc bệnh.

Không kinh doanh, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, vứt xác động vật mắc bệnh, có dấu hiệu nghi mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh ra môi trường.

Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan chuyên ngành chăn nuôi và thú y và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về dịch bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan chuyên ngành chăn nuôi và thú y, nhân viên thú y cấp xã.

Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định, theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

b) Chi cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện

Tiến hành xác minh và lấy mẫu chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh.

Tham mưu đề xuất lập chốt kiểm soát tạm thời trên các trục đường giao thông ra, vào vùng dịch, vùng khống chế nhằm ngăn chặn, không để động vật, sản phẩm động vật mẫn cảm ra, vào vùng dịch, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Luật Thú y và có hướng dẫn, giám sát của cơ quan thú y có thẩm quyền; quản lý, kiểm soát việc vận chuyển gia súc, sản phẩm gia súc trên địa bàn Thành phố để hạn chế lây lan dịch bệnh.

Xử lý ngay gia súc mắc bệnh, nghi mắc bệnh trong vùng dịch theo các văn bản hướng dẫn của cơ quan Trung ương.

Tham mưu cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc công bố dịch bệnh, công bố hết dịch và tổ chức phòng, chống dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

10. Giải pháp về chính sách

Đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ tiêm phòng vắc xin các bệnh truyền nhiễm động vật đối với các hộ chăn nuôi, các cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại nhỏ,..., đảm bảo phù hợp với từng giai đoạn phát triển của ngành chăn nuôi trên địa bàn Thành phố; khuyến khích các cơ sở áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

Đề xuất các chính sách hỗ trợ đối với hộ chăn nuôi, các cơ sở sản xuất con giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi tham gia xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật về lãi suất ưu đãi để đầu tư con giống, chuồng trại; đào tạo, tập huấn, xây dựng chuồng trại.

Áp dụng chính sách ưu tiên lựa chọn các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật có liên kết chuỗi cung ứng động vật, sản phẩm động vật từ sản xuất đến tiêu thụ khi triển khai các chương trình hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, cung ứng con giống vật nuôi, vật tư và sản phẩm động vật. Đồng thời, hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm từ vùng an toàn dịch bệnh nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh.

Khuyến khích, hỗ trợ các tập đoàn, công ty có tiềm năng xây dựng các chuỗi sản xuất gia cầm, sản phẩm gia cầm an toàn dịch bệnh đáp ứng tiêu dùng trong nước và định hướng xuất khẩu.

Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh Đại miễn phí, hỗ trợ điều trị chăm sóc trong trường hợp rủi ro nghề nghiệp cho nhân viên thú y, nhân viên y tế, người tham gia phòng, chống dịch bệnh Đại.

11. Kiểm tra, giám sát

Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành phòng chống dịch bệnh động vật các cấp để kiểm tra giám sát điều kiện chăn nuôi quy mô trang trại và chăn nuôi nông hộ theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Chăn nuôi; định kỳ đánh giá điều kiện cơ sở chăn nuôi theo quy định của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu

Trên cơ sở các nội dung của Chương trình này, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để ban hành kế hoạch triển khai thực hiện; cần có sự phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đến từng ấp, khu phố; đảm bảo công tác tổ chức, phối hợp và giám sát được thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

Hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện kê khai chăn nuôi và khai báo dịch bệnh theo quy định tại Luật Chăn nuôi, Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn liên quan; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cập nhật dữ liệu chăn nuôi và quản lý dịch tễ trên địa bàn. Chịu trách nhiệm quản lý đàn vật nuôi tại địa phương theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên ngành chăn nuôi và thú y tổ chức tiêm phòng vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm bắt buộc cho đàn vật nuôi; triển khai điều tra, xử lý kịp thời các ổ dịch nhằm khoanh vùng và không để lây lan diện rộng. Định kỳ thực hiện báo cáo thống kê số lượng đàn vật nuôi và kết quả tiêm phòng tại địa phương cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (thông qua Chi cục Chăn nuôi và Thú y).

Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, đặc biệt tại các khu vực có nguy cơ cao, khu dân cư có hoạt động chăn nuôi nhỏ lẻ, buôn bán động vật sống và sản phẩm động vật.

Kịp thời thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật theo quy định. Thực hiện chỉ đạo các đoàn kiểm tra tăng cường kiểm tra, giám sát việc kê khai chăn nuôi, xử lý các trường hợp vi phạm quy định về tiêm phòng, kiểm dịch và điều kiện chăn nuôi; phối hợp xử lý dứt điểm các trường hợp vận chuyển, kinh doanh, giết mổ động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch; xử lý đối với chủ nuôi chó, mèo vi phạm các quy định pháp luật về phòng, chống bệnh Đại.

Phối hợp chặt chẽ với Chi cục Chăn nuôi và Thú y trong công tác giám sát, lấy mẫu, điều tra dịch tễ và xử lý ổ dịch khi có phát sinh trên địa bàn; đồng thời thông tin nhanh tình hình dịch bệnh để có biện pháp ứng phó kịp thời.

Chỉ đạo Ban Quản lý các chợ chủ động kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định đối với các trường hợp kinh doanh động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm nhiều lần.

Bố trí ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách để triển khai kịp thời các hoạt động phòng, chống dịch bệnh động vật theo đúng quy định về quản lý ngân sách và các hướng của cơ quan chuyên môn.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn trên địa bàn Thành phố.

Trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tự toán kinh phí sau khi được Sở Tài chính thẩm định để thực hiện các nội dung của Chương trình này. Chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai công tác hàng năm theo nội dung Chương trình đã được phê duyệt.

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiện toàn, củng cố, nâng cao năng lực hệ thống cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành chăn nuôi và thú y theo đúng chủ

trương của Đảng, quy định của Luật Thú y; bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn và đáp ứng công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.

Tham mưu đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ tiêm phòng vắc xin, xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, hỗ trợ lãi suất vay, khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong chăn nuôi; đồng thời lồng ghép chương trình vào các chính sách về an toàn thực phẩm, phát triển nông nghiệp đô thị và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã triển khai xây dựng vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển ngành nông nghiệp của Thành phố; thực hiện tuyên truyền, nhằm nâng cao nhận thức của người dân về nguy cơ, cách phòng chống dịch bệnh, quy định pháp luật và lợi ích của việc tham gia xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với các hành vi không tiêm phòng vắc xin các bệnh truyền nhiễm động vật, không khai báo dịch bệnh theo quy định và các hành vi hành nghề thú y, kinh doanh thuốc thú y sai quy định.

Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan trong việc tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật, đặc biệt là các bệnh lây từ động vật sang người như bệnh Cúm gia cầm, bệnh Đại, bệnh do Xoắn khuẩn *Leptospira*,... nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các tổ chức liên quan xây dựng nội dung tuyên truyền chuyên đề phù hợp cho từng nhóm đối tượng, đặc biệt là học sinh, sinh viên.

Tăng cường hợp tác, trao đổi chuyên môn với các viện, trường, tổ chức quốc tế trong nghiên cứu, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật tiên tiến cho đội ngũ các bộ chuyên môn; chú trọng đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn cho lực lượng thú y, đặc biệt là mạng lưới thú y cơ sở, nhằm nâng cao khả năng giám sát, ứng phó và xử lý dịch bệnh nhanh, hiệu quả.

Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, như cập nhật cơ sở dữ liệu về tổng đàn, tiêm phòng, dịch bệnh định kỳ; xây dựng bản đồ dịch tễ, định vị các cơ sở chăn nuôi, giết mổ, các cơ sở hành nghề tiêm phòng, khám, điều trị bệnh động vật và các cơ sở kinh doanh thuốc thú y để đưa vào hệ thống bản đồ số, phục vụ công tác giám sát dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, cảnh báo sớm và hỗ trợ chỉ đạo điều hành kịp thời khi có dịch xảy ra.

Định kỳ hằng quý, thực hiện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kết quả triển khai Chương trình này và các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

3. Sở Tài chính

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Chương trình này theo phân cấp ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành.

4. Sở Y tế

Chỉ đạo các cơ quan có liên quan thuộc Sở Y tế phối hợp chặt chẽ với ngành thú y trong công tác giám sát, điều tra và xử lý các bệnh truyền lây giữa người và động vật, theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT ngày 27 tháng 5 năm 2013 của Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản có liên quan.

Đảm bảo cung ứng đầy đủ vắc xin và huyết thanh kháng Đại cho người bị chó mèo cắn, người có nguy cơ cao bị phơi nhiễm với bệnh Đại.

Định kỳ báo cáo kết quả tổ chức thực hiện công tác phòng, chống bệnh Đại trên người cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Sở An toàn thực phẩm

Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi và Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu trường tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn thực phẩm.

6. Sở Văn hóa và Thể thao

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đến người dân về chủ trương, chính sách của Thành phố trong việc triển khai thực hiện “Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030”, nhằm nâng cao nhận thức và sự tuân thủ các quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non, trường Trung học phổ thông, trường phổ thông nhiều cấp học (cấp cao nhất là Trung học phổ thông), trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh về phòng, chống bệnh truyền nhiễm lây từ động vật sang người (zoonoses); lồng ghép nội dung về sức khỏe cộng đồng, phòng chống dịch bệnh vào chương trình công tác, kế hoạch năm học, hoạt động của đơn vị phù hợp đặc thù từng cấp học, ngành học; đôn đốc việc duy trì môi trường học đường an toàn, vệ sinh.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế các đơn vị có liên quan truyền thông phù hợp lứa tuổi; hướng dẫn kỹ năng an toàn với động vật, vệ sinh cá nhân, xử lý khi bị chó, mèo cắn, thông báo kịp thời cho cơ quan y tế.

8. Sở Công Thương

Chỉ đạo Ban Quản lý các chợ chủ động kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định đối với các trường hợp kinh doanh động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm nhiều lần.

Chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường Thành phố chủ trì các Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống dịch bệnh động vật Thành phố. Tăng cường tần suất kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, nhất là tại các cửa ngõ giao thông ra vào địa bàn Thành phố.

9. Chi cục Hải quan Khu vực 2

Phối hợp với các Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu tăng cường tần suất kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm tình hình kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc, không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y.

10. Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố

Chỉ đạo các lực lượng phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc ngăn chặn các trường hợp kinh doanh, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc tại các cửa khẩu; hỗ trợ việc tiêu hủy khi có số lượng lớn động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy để ngăn chặn dịch bệnh.

11. Công an Thành phố

Phối hợp với các lực lượng chức năng liên quan, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp kinh doanh, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc; xử lý nghiêm theo quy định đối với các điểm kinh doanh, giết mổ không đúng quy định trên địa bàn. Chỉ đạo lực lượng cảnh sát giao thông và công an các địa phương tham gia các Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống dịch bệnh động vật các cấp.

12. Hội Nông dân Thành phố

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tuyên truyền vận động hội viên tích cực tham gia xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi, chủ động khai báo dịch bệnh kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp xã và Chi cục Chăn nuôi và Thú y để không chế, bao vây và xử lý dịch bệnh đạt hiệu quả cao.

Chỉ đạo Hội Nông dân cấp xã tăng cường vận động các hộ chăn nuôi tham gia các Tổ hợp tác, Hợp tác xã chăn nuôi an toàn, từng bước truy xuất nguồn gốc sản phẩm, là nơi cung cấp con giống an toàn, chất lượng cao cho người chăn nuôi trên địa bàn Thành phố.

13. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên ngành chăn nuôi và thú y các cấp để tổ chức thực hiện phòng chống dịch bệnh, giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí

Tổng nguồn kinh phí dự kiến giai đoạn 2026 – 2030 khoảng **209.268.476.000** đồng (*hai trăm lẻ chín tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*). (Đính kèm Phụ lục)

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030 từ nguồn chi thường xuyên ngân sách Nhà nước theo phân cấp.

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ nhiệm vụ được giao, chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan có thẩm quyền quy định để xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định có liên quan, đảm bảo thiết thực, tiết kiệm, hiệu quả.

Yêu cầu các cơ quan đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện đầy đủ các nội dung nêu trên, trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc, báo cáo đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn giải quyết theo quy định, nếu cần thiết thì tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét kịp thời chỉ đạo./.

PHỤ LỤC

DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH GIÁM SÁT VÀ XÂY DỰNG VÙNG , CƠ SỞ

AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN GIAI ĐOẠN NĂM 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5	4	5	6=4*5	4	5	6=4*5	4	5	6=4*5	4	5	6=4*5
I	Cập nhật thông kê gia súc				326.689.000			326.689.000			326.689.000			326.689.000			326.689.000
	Đối với MLTY (định mức kiểm tra 05 CSCN/người/ngày)	người/ngày	132	158.000	20.856.000	132	158.000	20.856.000	132	158.000	20.856.000	132	158.000	20.856.000	132	158.000	20.856.000
	Đối với CC,VC-LĐ (định mức kiểm tra 05 CSCN/người/ngày) và Tô kiểm tra gồm 02 người	người/ngày	264	113.000	29.832.000	264	113.000	29.832.000	264	113.000	29.832.000	264	113.000	29.832.000	264	113.000	29.832.000
	Nhập liệu phần mềm tình hình chăn nuôi gia súc, chó mèo và gia cầm	hộ	256.001	1.000	256.001.000	256.001	1.000	256.001.000	256.001	1.000	256.001.000	256.001	1.000	256.001.000	256.001	1.000	256.001.000
	Chi phí tổng hợp kết quả rà soát thông kê 01/1 và 01/7: kiểm tra, rà soát, báo cáo (P. CNDT, P.TCTH)	báo cáo	2	10.000.000	20.000.000	2	10.000.000	20.000.000	2	10.000.000	20.000.000	2	10.000.000	20.000.000	2	10.000.000	20.000.000
II	Chi phí in ấn				282.000.000			351.000.000			351.000.000			351.000.000			351.000.000
	Biên bản xử lý tình trạng vệ sinh thú y	cuốn	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000
	Quyết định xử lý tình trạng vệ sinh thú y	cuốn	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000
	Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y	cuốn	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000	600	60.000	36.000.000
	Giấy chứng nhận động vật xuất tỉnh	cuốn	300	60.000	18.000.000	300	60.000	18.000.000	300	60.000	18.000.000	300	60.000	18.000.000	300	60.000	18.000.000
	Số QLDT chăn nuôi heo (gồm 3.947 CSCN)	cuốn	4.000	20.000	80.000.000			-			-			-			-
	Số QLDT chăn nuôi trâu, bò, dê, cừu (gồm 51.037 CSCN)	cuốn	2.000	20.000	40.000.000	10.000	20.000	200.000.000	10.000	20.000	200.000.000	10.000	20.000	200.000.000	10.000	20.000	200.000.000
	Số QLDT gia cầm (gồm 409 trang trại)	cuốn	500	20.000	10.000.000			-			-			-			-
	Số Quản lý tại các điểm trung chuyển (gồm 04 CS)	cuốn	10	100.000	1.000.000			-			-			-			-
	Danh sách tiêm phòng (tổng cộng 54.984 CSCN gia súc và 165.086 hộ nuôi chó mèo)	tờ	50.000	500	25.000.000	50.000	500	25.000.000	50.000	500	25.000.000	50.000	500	25.000.000	50.000	500	25.000.000
III	Tuyên truyền, tập huấn, hợp tác học tập kinh nghiệm				3.781.712.000			3.781.712.000			3.781.712.000			3.781.712.000			3.781.712.000
1	Tuyên truyền phòng chống dịch động vật trên cạn chống dịch bệnh				427.008.000			427.008.000			427.008.000			427.008.000			427.008.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Phát thanh trên Đài tiếng nói VOH	lượt	28	3.500.000	98.000.000	28	3.500.000	98.000.000	28	3.500.000	98.000.000	28	3.500.000	98.000.000	28	3.500.000	98.000.000
	Chi phí viết bài phát thanh	bài	8	300.000	2.400.000	8	300.000	2.400.000	8	300.000	2.400.000	8	300.000	2.400.000	8	300.000	2.400.000
	Tuyên truyền trên báo giấy chuyên mục phòng chống dịch bệnh	kỳ	12	8.300.000	99.600.000	12	8.300.000	99.600.000	12	8.300.000	99.600.000	12	8.300.000	99.600.000	12	8.300.000	99.600.000
	Biên soạn bài đăng báo giấy	bài	12	1.170.000	14.040.000	12	1.170.000	14.040.000	12	1.170.000	14.040.000	12	1.170.000	14.040.000	12	1.170.000	14.040.000
	Đăng bài viết lên website Chi cục (người soạn thảo + biên tập)	bài	24	432.000	10.368.000	24	432.000	10.368.000	24	432.000	10.368.000	24	432.000	10.368.000	24	432.000	10.368.000
	Thiết kế (thuê ngoài)	lần	3	5.000.000	15.000.000	3	5.000.000	15.000.000	3	5.000.000	15.000.000	3	5.000.000	15.000.000	3	5.000.000	15.000.000
	In tờ Bướm tuyên truyền (5 loại)	tờ	56.000	2.000	112.000.000	56.000	2.000	112.000.000	56.000	2.000	112.000.000	56.000	2.000	112.000.000	56.000	2.000	112.000.000
	In Poster	cái	504	150.000	75.600.000	504	150.000	75.600.000	504	150.000	75.600.000	504	150.000	75.600.000	504	150.000	75.600.000
2	Tập huấn				2.769.600.000			2.769.600.000			2.769.600.000			2.769.600.000			2.769.600.000
2.1	Phòng, chống dịch bệnh động vật cho người chăn nuôi				1.063.800.000			1.063.800.000			1.063.800.000			1.063.800.000			1.063.800.000
	Báo cáo viên	buổi	108	600.000	64.800.000	108	600.000	64.800.000	108	600.000	64.800.000	108	600.000	64.800.000	108	600.000	64.800.000
	Photo tài liệu	bộ	5.400	20.000	108.000.000	5.400	20.000	108.000.000	5.400	20.000	108.000.000	5.400	20.000	108.000.000	5.400	20.000	108.000.000
	Chi cho người tham dự không hưởng lương	người	5.400	75.000	405.000.000	5.400	75.000	405.000.000	5.400	75.000	405.000.000	5.400	75.000	405.000.000	5.400	75.000	405.000.000
	Giải khát giữa giờ	người	5.400	50.000	270.000.000	5.400	50.000	270.000.000	5.400	50.000	270.000.000	5.400	50.000	270.000.000	5.400	50.000	270.000.000
	Thuê hội trường	lần	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000
	In băng rôn, mua hoa trang trí	lớp	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000	108	1.000.000	108.000.000
2.2	Khổng chế loại trừ bệnh dại				1.654.800.000			1.654.800.000			1.654.800.000			1.654.800.000			1.654.800.000
	Báo cáo viên	buổi	168	600.000	100.800.000	168	600.000	100.800.000	168	600.000	100.800.000	168	600.000	100.800.000	168	600.000	100.800.000
	Photo tài liệu	bộ	8.400	20.000	168.000.000	8.400	20.000	168.000.000	8.400	20.000	168.000.000	8.400	20.000	168.000.000	8.400	20.000	168.000.000
	Chi cho người tham dự không hưởng lương	người	8.400	75.000	630.000.000	8.400	75.000	630.000.000	8.400	75.000	630.000.000	8.400	75.000	630.000.000	8.400	75.000	630.000.000
	Giải khát giữa giờ	người	8.400	50.000	420.000.000	8.400	50.000	420.000.000	8.400	50.000	420.000.000	8.400	50.000	420.000.000	8.400	50.000	420.000.000
	Thuê hội trường	lần	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000
	In băng rôn, mua hoa trang trí	lớp	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000	168	1.000.000	168.000.000
2.3	Tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho CBTY, MLTY trong công tác PCD				51.000.000			51.000.000			51.000.000			51.000.000			51.000.000
	Báo cáo viên	buổi	10	600.000	6.000.000	10	600.000	6.000.000	10	600.000	6.000.000	10	600.000	6.000.000	10	600.000	6.000.000
	Photo tài liệu	bộ	500	20.000	10.000.000	500	20.000	10.000.000	500	20.000	10.000.000	500	20.000	10.000.000	500	20.000	10.000.000
	Giải khát giữa giờ	người	500	50.000	25.000.000	500	50.000	25.000.000	500	50.000	25.000.000	500	50.000	25.000.000	500	50.000	25.000.000
	In băng rôn, mua hoa trang trí	lớp	10	1.000.000	10.000.000	10	1.000.000	10.000.000	10	1.000.000	10.000.000	10	1.000.000	10.000.000	10	1.000.000	10.000.000
3	Tham quan học tập kinh nghiệm trong công tác phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn				163.400.000			163.400.000			163.400.000			163.400.000			163.400.000
	Vé máy bay (khứ hồi)	vé	15	6.600.000	99.000.000	15	6.600.000	99.000.000	15	6.600.000	99.000.000	15	6.600.000	99.000.000	15	6.600.000	99.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Chi phí thuê phòng nghỉ	phòng	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000
	Chi phí di chuyển	ngày	4	5.000.000	20.000.000	4	5.000.000	20.000.000	4	5.000.000	20.000.000	4	5.000.000	20.000.000	4	5.000.000	20.000.000
	Chi phí lưu trú	người/ ngày	60	300.000	18.000.000	60	300.000	18.000.000	60	300.000	18.000.000	60	300.000	18.000.000	60	300.000	18.000.000
4	Hội nghị đánh giá sơ kết, tổng kết công tác phòng chống dịch PCD bệnh động vật				280.590.000			280.590.000			280.590.000			280.590.000			280.590.000
	Thuê Hội trường, trang trí hội trường, đèn led, giải khát,...	lần	3	15.000.000	45.000.000	3	15.000.000	45.000.000	3	15.000.000	45.000.000	3	15.000.000	45.000.000	3	15.000.000	45.000.000
	Bảo cáo viên (mời ngoài)	người	15	2.000.000	30.000.000	15	2.000.000	30.000.000	15	2.000.000	30.000.000	15	2.000.000	30.000.000	15	2.000.000	30.000.000
	Giải khát giữa giờ	người/ buổi	1.200	50.000	60.000.000	1.200	50.000	60.000.000	1.200	50.000	60.000.000	1.200	50.000	60.000.000	1.200	50.000	60.000.000
	Tài liệu	cuốn	1.200	20.000	24.000.000	1.200	20.000	24.000.000	1.200	20.000	24.000.000	1.200	20.000	24.000.000	1.200	20.000	24.000.000
	Chi cho người tham dự (không hưởng lương)	người/ buổi	600	150.000	90.000.000	600	150.000	90.000.000	600	150.000	90.000.000	600	150.000	90.000.000	600	150.000	90.000.000
	Khen thưởng cho nhân viên thú y trong công tác PCD	người	45	702.000	31.590.000	45	702.000	31.590.000	45	702.000	31.590.000	45	702.000	31.590.000	45	702.000	31.590.000
5	Làm việc trao đổi thông tin liên quan công tác phòng, chống dịch với các tỉnh (03 tỉnh) Tây Ninh, Đồng Nai và Vĩnh Long				15.900.000			15.900.000			15.900.000			15.900.000			15.900.000
	Chi phí lưu trú	người/ ngày	45	300.000	13.500.000	45	300.000	13.500.000	45	300.000	13.500.000	45	300.000	13.500.000	45	300.000	13.500.000
	In tài liệu	cuốn	120	20.000	2.400.000	120	20.000	2.400.000	120	20.000	2.400.000	120	20.000	2.400.000	120	20.000	2.400.000
6	Công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản				125.214.000			125.214.000			125.214.000			125.214.000			125.214.000
6.1	Thông tin kết quả thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản trên trang website của Chi cục (người soạn thảo + biên tập)	bài	52	432.000	22.464.000	52	432.000	22.464.000	52	432.000	22.464.000	52	432.000	22.464.000	52	432.000	22.464.000
6.2	Phát thanh tuyên truyền				7.600.000			7.600.000			7.600.000			7.600.000			7.600.000
	Phát thanh trên Đài tiếng nói VOH	lượt	2	3.500.000	7.000.000	2	3.500.000	7.000.000	2	3.500.000	7.000.000	2	3.500.000	7.000.000	2	3.500.000	7.000.000
	Chi phí viết bài phát thanh	bài	2	300.000	600.000	2	300.000	600.000	2	300.000	600.000	2	300.000	600.000	2	300.000	600.000
6.3	Tuyên truyền, tập huấn công tác kiểm dịch giống thủy sản đối với các trại sản xuất, thuần dưỡng giống thủy sản				29.550.000			29.550.000			29.550.000			29.550.000			29.550.000
	Bảo cáo viên	buổi	3	600.000	1.800.000	3	600.000	1.800.000	3	600.000	1.800.000	3	600.000	1.800.000	3	600.000	1.800.000
	Photo tài liệu	bộ	150	20.000	3.000.000	150	20.000	3.000.000	150	20.000	3.000.000	150	20.000	3.000.000	150	20.000	3.000.000
	Chi cho người tham dự không hưởng lương	người	150	75.000	11.250.000	150	75.000	11.250.000	150	75.000	11.250.000	150	75.000	11.250.000	150	75.000	11.250.000
	Giải khát giữa giờ	người	150	50.000	7.500.000	150	50.000	7.500.000	150	50.000	7.500.000	150	50.000	7.500.000	150	50.000	7.500.000
	Thuê hội trường	lần	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	In băng rôn, mua hoa trang trí	lốp	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000	3	1.000.000	3.000.000
6.4	Học tập, trao đổi kinh nghiệm về công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản				65.600.000			65.600.000			65.600.000			65.600.000			65.600.000
	Chi phí thuê xe	chuyến	1	20.000.000	20.000.000	1	20.000.000	20.000.000	1	20.000.000	20.000.000	1	20.000.000	20.000.000	1	20.000.000	20.000.000
	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000	24	1.100.000	26.400.000
	Chi phí lưu trú	người/ngày	64	300.000	19.200.000	64	300.000	19.200.000	64	300.000	19.200.000	64	300.000	19.200.000	64	300.000	19.200.000
IV	Tiêm phòng theo dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí tiêm vắc xin phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm và chó, mèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh				23.397.069.060			23.397.069.060			23.397.069.060			23.397.069.060			23.397.069.060
1	Lở mồm long móng				9.140.417.810			9.140.417.810			9.140.417.810			9.140.417.810			9.140.417.810
1.1	Vắc xin cho heo, dê, cừu				4.794.475.210			4.794.475.210			4.794.475.210			4.794.475.210			4.794.475.210
	Vắc xin cho heo (hỗ trợ 100% cho cơ sở chăn nuôi dưới 150 con)	liều	173.449	20.000	3.468.980.000	173.449	20.000	3.468.980.000	173.449	20.000	3.468.980.000	173.449	20.000	3.468.980.000	173.449	20.000	3.468.980.000
	Công tiêm phòng cho heo	liều	173.449	2.900	503.002.100	173.449	2.900	503.002.100	173.449	2.900	503.002.100	173.449	2.900	503.002.100	173.449	2.900	503.002.100
	Vắc xin cho dê, cừu (hỗ trợ 100% cho cơ sở chăn nuôi dưới 200 con)	liều	34.719	20.790	721.808.010	34.719	20.790	721.808.010	34.719	20.790	721.808.010	34.719	20.790	721.808.010	34.719	20.790	721.808.010
	Công tiêm phòng cho dê, cừu	liều	34.719	2.900	100.685.100	34.719	2.900	100.685.100	34.719	2.900	100.685.100	34.719	2.900	100.685.100	34.719	2.900	100.685.100
1.2	Vắc xin cho trâu, bò	liều			4.345.942.600			4.345.942.600			4.345.942.600			4.345.942.600			4.345.942.600
	Vắc xin cho trâu, bò (hỗ trợ 100% cho cơ sở chăn nuôi dưới 40 con)	liều	145.837	25.000	3.645.925.000	145.837	25.000	3.645.925.000	145.837	25.000	3.645.925.000	145.837	25.000	3.645.925.000	145.837	25.000	3.645.925.000
	Công tiêm phòng cho trâu, bò	liều	145.837	4.800	700.017.600	145.837	4.800	700.017.600	145.837	4.800	700.017.600	145.837	4.800	700.017.600	145.837	4.800	700.017.600
2	Viêm da nổi cục trâu bò (VDNC)				2.683.382.400			2.683.382.400			2.683.382.400			2.683.382.400			2.683.382.400
	Vắc xin VDNC (hỗ trợ 100% cho cơ sở chăn nuôi dưới 40 con)	liều	72.918	32.000	2.333.376.000	72.918	32.000	2.333.376.000	72.918	32.000	2.333.376.000	72.918	32.000	2.333.376.000	72.918	32.000	2.333.376.000
	Công tiêm phòng VDNC	liều	72.918	4.800	350.006.400	72.918	4.800	350.006.400	72.918	4.800	350.006.400	72.918	4.800	350.006.400	72.918	4.800	350.006.400
3	Dịch tả heo cổ điển đối với heo				1.231.459.500			1.231.459.500			1.231.459.500			1.231.459.500			1.231.459.500
	Vắc xin phòng bệnh Dịch tả heo cổ điển đối với heo (hỗ trợ 100% cho cơ sở chăn nuôi dưới 150 con)	liều	173.445	4.200	728.469.000	173.445	4.200	728.469.000	173.445	4.200	728.469.000	173.445	4.200	728.469.000	173.445	4.200	728.469.000
	Công tiêm phòng cho heo	liều	173.445	2.900	502.990.500	173.445	2.900	502.990.500	173.445	2.900	502.990.500	173.445	2.900	502.990.500	173.445	2.900	502.990.500
4	Cúm gia cầm đối với gia cầm				3.953.691.750			3.953.691.750			3.953.691.750			3.953.691.750			3.953.691.750

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Vắc xin phòng bệnh Cúm gia cầm (hỗ trợ 100% cho cơ sở chăn nuôi dưới 2.000 con)	liều	5.271.589	400	2.108.635.600	5.271.589	400	2.108.635.600	5.271.589	400	2.108.635.600	5.271.589	400	2.108.635.600	5.271.589	400	2.108.635.600
	Công tiêm phòng cho gia cầm	liều	5.271.589	350	1.845.056.150	5.271.589	350	1.845.056.150	5.271.589	350	1.845.056.150	5.271.589	350	1.845.056.150	5.271.589	350	1.845.056.150
5	Dại đối với chó, mèo				2.042.175.000			2.042.175.000			2.042.175.000			2.042.175.000			2.042.175.000
	Vắc xin phòng bệnh Đại (hỗ trợ cho 54 xã và Đặc khu Côn Đảo)	liều	93.250	16.000	1.492.000.000	93.250	16.000	1.492.000.000	93.250	16.000	1.492.000.000	93.250	16.000	1.492.000.000	93.250	16.000	1.492.000.000
	Công tiêm phòng cho chó, mèo	liều	93.250	5.900	550.175.000	93.250	5.900	550.175.000	93.250	5.900	550.175.000	93.250	5.900	550.175.000	93.250	5.900	550.175.000
V	CHI PHÍ XÉT NGHIỆM				8.543.949.000			7.612.810.000			7.652.200.000			8.529.700.000			9.114.700.000
1	Xét nghiệm trên gia cầm				2.950.740.000			1.758.510.000			1.328.500.000			1.328.500.000			1.328.500.000
	XN Kháng nguyên vi-rút CGC (lấy tại 158 CSATD CGC (13 mẫu gộp/CS)	mẫu	1.896	585.000	1.109.160.000	2.054	585.000	1.201.590.000	2.000	585.000	1.170.000.000	2.000	585.000	1.170.000.000	2.000	585.000	1.170.000.000
	XN Kháng nguyên vi-rút Newcastle (lấy tại 54 CSATD Niu-cát-xon) và XD xã ATD Newcastle (mẫu gộp)	mẫu	1.148	585.000	671.580.000	702	585.000	410.670.000	250	585.000	146.250.000	250	585.000	146.250.000	250	585.000	146.250.000
	XN Kháng nguyên vi-rút CGC (XD xã ATD CGC) và dự phòng khi cần thiết (mẫu gộp)	mẫu	2.000	585.000	1.170.000.000	250	585.000	146.250.000	250	49.000	12.250.000	250	49.000	12.250.000	250	49.000	12.250.000
2	Xét nghiệm trên gia súc				5.477.289.000			5.691.400.000			6.160.800.000			7.038.300.000			7.623.300.000
	XN kháng thể LMLM bò type O (GS tại 17 CSATD)	mẫu	595	266.000	158.270.000	500	266.000	133.000.000	500	266.000	133.000.000	500	266.000	133.000.000	500	266.000	133.000.000
	XN kháng thể LMLM bò type O (GS XD xã Cù Chi ATD LMLM) 571 mẫu X 02 lần	mẫu	1.142	266.000	303.772.000	1.500	266.000	399.000.000	1.500	266.000	399.000.000	1.500	266.000	399.000.000	1.500	266.000	399.000.000
	XN bệnh Viêm da nổi cục trâu bò (tại 17 CSATD)	mẫu	170	522.000	88.740.000	170	522.000	88.740.000	100	522.000	52.200.000	100	522.000	52.200.000	100	522.000	52.200.000
	XN kháng thể LMLM bò 3ABC (tại 17 CSATD)	mẫu	170	202.000	34.340.000	170	202.000	34.340.000	100	202.000	20.200.000	100	202.000	20.200.000	100	202.000	20.200.000
	XN kháng nguyên LMLM (tại các CS có KQ dương tính với 3ABC)	mẫu	40	585.000	23.400.000	40	585.000	23.400.000	40	585.000	23.400.000	40	585.000	23.400.000	40	585.000	23.400.000
	XN bệnh Xoắn khuẩn (tại 17 CSATD)	mẫu	170	99.000	16.830.000	170	99.000	16.830.000	500	99.000	49.500.000	500	99.000	49.500.000	500	99.000	49.500.000
	XN bệnh Lao (tại các CSATD và các trang trại khác)	mẫu		296.000	0		296.000	0	500	296.000	148.000.000	500	296.000	148.000.000	500	296.000	148.000.000
	XN Tuberculine nội bì dò Lao trên bò	lọ		5.000.000	0		5.000.000	0	1	5.000.000	5.000.000	1	5.000.000	5.000.000	1	5.000.000	5.000.000
	XN bệnh STTN (tại 17 CSATD)	mẫu	170	127.000	21.590.000	170	127.000	21.590.000	500	127.000	63.500.000	500	127.000	63.500.000	500	127.000	63.500.000
	XN kháng thể LMLM heo type O (3.355 mẫu giám sát tại 55 CSATD LMLM)	mẫu	3.355	266.000	892.430.000	2.000	266.000	532.000.000	2.000	266.000	532.000.000	2.000	266.000	532.000.000	2.000	266.000	532.000.000
	XN kháng thể LMLM heo type O (482 mẫu X 2 lần GS XD xã	mẫu	964	266.000	256.424.000	1.500	266.000	399.000.000	1.500	266.000	399.000.000	1.500	266.000	399.000.000	1.500	266.000	399.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Cù Chi ATD LMLM)																
	XN kháng thể LMLM heo tại 04 điểm trung chuyển heo (lấy mẫu 30 mẫu/điểm/quý)	mẫu	480	266.000	127.680.000	1.500	196.000	294.000.000	1.500	196.000	294.000.000	1.500	196.000	294.000.000	1.500	196.000	294.000.000
	XN vi-rút DTH (lấy mẫu gộp giám sát tại 45 CSATD DTH)	mẫu	585	585.000	342.225.000	400	585.000	234.000.000	400	585.000	234.000.000	400	585.000	234.000.000	400	585.000	234.000.000
	XN kháng nguyên DTHCP (lấy mẫu gộp tại 73 CSATD ASF)	mẫu	949	522.000	495.378.000	1.000	522.000	522.000.000	1.000	522.000	522.000.000	1.000	522.000	522.000.000	1.000	522.000	522.000.000
	XN kháng nguyên PRRS (lấy 26 mẫu gộp tại 02 CSATD PRRS)	mẫu	26	585.000	15.210.000	1.000	585.000	585.000.000	1.000	585.000	585.000.000	1.000	585.000	585.000.000	1.000	585.000	585.000.000
	XN giám sát bệnh Coronavirus (PED/TGE) tại 110 CSCN heo ATD	mẫu	550	585.000	321.750.000	300	585.000	175.500.000	300	585.000	175.500.000	300	585.000	175.500.000	300	585.000	175.500.000
	XN vi-rút Cúm heo tại 110 CSCN heo ATD	mẫu	550	585.000	321.750.000	300	585.000	175.500.000	300	585.000	175.500.000	300	585.000	175.500.000	300	585.000	175.500.000
	Xét nghiệm kháng thể Đại bằng phương pháp ELISA	mẫu	3.500	585.000	2.047.500.000	3.500	585.000	2.047.500.000	4.000	585.000	2.340.000.000	5.500	585.000	3.217.500.000	6.500	585.000	3.802.500.000
	Chi phí gửi mẫu xét nghiệm Đại				10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000
3	Giám trên gia cầm sống và sản phẩm động vật tại các điểm kinh doanh				115.920.000			162.900.000			162.900.000			162.900.000			162.900.000
	XN kháng nguyên vi-rút Cúm gia cầm tại các điểm kinh doanh, khu vui chơi	mẫu	100	585.000	58.500.000	100	585.000	58.500.000	100	585.000	58.500.000	100	585.000	58.500.000	100	585.000	58.500.000
	XN kháng nguyên vi-rút DTHCP tại 04 điểm trung chuyển heo (lấy mẫu gộp 06 mẫu/điểm/quý) và dự phòng 14 mẫu gộp	mẫu	110	522.000	57.420.000	200	522.000	104.400.000	200	522.000	104.400.000	200	522.000	104.400.000	200	522.000	104.400.000
VI	Công và vật tư lấy mẫu				326.576.873			312.845.072			329.820.072			367.545.072			392.695.072
1	Công lấy mẫu				210.751.380			198.161.250			206.666.250			232.181.250			249.191.250
	Công lấy mẫu Cúm heo	mẫu	550	7.350	4.042.500	300	7.350	2.205.000	300	7.350	2.205.000	300	7.350	2.205.000	300	7.350	2.205.000
	Công lấy mẫu máu heo	mẫu	4.319	17.010	73.466.190	3.500	17.010	59.535.000	3.500	17.010	59.535.000	3.500	17.010	59.535.000	3.500	17.010	59.535.000
	Công lấy mẫu phân heo	mẫu	550	7.350	4.042.500	300	7.350	2.205.000	300	7.350	2.205.000	300	7.350	2.205.000	300	7.350	2.205.000
	Công lấy mẫu máu bò	mẫu	1.737	28.350	49.243.950	2.000	28.350	56.700.000	2.000	28.350	56.700.000	2.000	28.350	56.700.000	2.000	28.350	56.700.000
	Công lấy mẫu bệnh phẩm gia cầm; bệnh phẩm SPĐV	mẫu	2.106	7.350	15.479.100	2.300	7.350	16.905.000	2.300	7.350	16.905.000	2.300	7.350	16.905.000	2.300	7.350	16.905.000
	Công lấy mẫu máu gia cầm	mẫu	1.148	4.305	4.942.140	250	4.305	1.076.250	250	4.305	1.076.250	250	4.305	1.076.250	250	4.305	1.076.250
	Công lấy mẫu chó	mẫu	3.500	17.010	59.535.000	3.500	17.010	59.535.000	4.000	17.010	68.040.000	5.500	17.010	93.555.000	6.500	17.010	110.565.000
2	Vật tư lấy mẫu				115.825.493			114.683.822			123.153.822			135.363.822			143.503.822
	Vật tư lấy mẫu Swab gia cầm (gà, vịt); SPĐV	mẫu	2.317	12.233	28.338.968	2.530	12.233	30.949.490	2.530	12.233	30.949.490	2.530	12.233	30.949.490	2.530	12.233	30.949.490
	Vật tư lấy mẫu máu gia cầm (gà, vịt)	mẫu	-	7.400	0	-	7.400	0	-	7.400	0	-	7.400	0	-	7.400	0

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Vật tư lấy mẫu máu heo	Mẫu	4.751	5.516	26.205.964	3.850	5.516	21.236.600	3.850	5.516	21.236.600	3.850	5.516	21.236.600	3.850	5.516	21.236.600
	Vật tư lấy mẫu phân heo	Mẫu	605	10.000	6.050.000	330	10.000	3.300.000	330	10.000	3.300.000	330	10.000	3.300.000	330	10.000	3.300.000
	Vật tư lấy mẫu máu bò	Mẫu	1.911	13.713	26.201.429	2.200	13.713	30.168.600	2.200	13.713	30.168.600	2.200	13.713	30.168.600	2.200	13.713	30.168.600
	Vật tư lấy mẫu máu bò (lao)	Mẫu	0	8.000	0	0	8.000	0	550	8.000	4.400.000	550	8.000	4.400.000	550	8.000	4.400.000
	Vật tư lấy mẫu probang	Mẫu	44	12.253	539.132	44	12.253	539.132	44	12.253	539.132	44	12.253	539.132	44	12.253	539.132
	Vật tư lấy mẫu máu chó	Mẫu	3.850	7.400	28.490.000	3.850	7.400	28.490.000	4.400	7.400	32.560.000	6.050	7.400	44.770.000	7.150	7.400	52.910.000
VII	Vật tư, dụng cụ, thiết bị, bảo hộ lao động				1.498.800.000			1.498.800.000			1.498.800.000			1.498.800.000			1.498.800.000
1	Trang bị bảo hộ lao động				108.300.000			108.300.000			108.300.000			108.300.000			108.300.000
	Khẩu trang y tế	cái	20.000	2.000	40.000.000	20.000	2.000	40.000.000	20.000	2.000	40.000.000	20.000	2.000	40.000.000	20.000	2.000	40.000.000
	Găng tay cao su	đôi	300	11.000	3.300.000	300	11.000	3.300.000	300	11.000	3.300.000	300	11.000	3.300.000	300	11.000	3.300.000
	Găng tay y tế	đôi	3.000	3.000	9.000.000	3.000	3.000	9.000.000	3.000	3.000	9.000.000	3.000	3.000	9.000.000	3.000	3.000	9.000.000
	Quần áo phòng hộ (bộ 4 loại)	bộ	1.000	50.000	50.000.000	1.000	50.000	50.000.000	1.000	50.000	50.000.000	1.000	50.000	50.000.000	1.000	50.000	50.000.000
	Ứng bảo hộ nilon (sử dụng 1 lần)	đôi	3.000	2.000	6.000.000	3.000	2.000	6.000.000	3.000	2.000	6.000.000	3.000	2.000	6.000.000	3.000	2.000	6.000.000
2	Dây niêm phong	dây	120.000	2.250	270.000.000	120.000	2.250	270.000.000	120.000	2.250	270.000.000	120.000	2.250	270.000.000	120.000	2.250	270.000.000
3	Hóa chất				1.120.500.000			1.120.500.000			1.120.500.000			1.120.500.000			1.120.500.000
	Hoá chất tiêu độc khử trùng phòng chống dịch bệnh trên cạn (dạng bột)	kg	3.000	200.000	600.000.000	3.000	200.000	600.000.000	3.000	200.000	600.000.000	3.000	200.000	600.000.000	3.000	200.000	600.000.000
	Hoá chất tiêu độc khử trùng phòng chống dịch bệnh trên cạn (dạng nước)	lít	3.000	170.000	510.000.000	3.000	170.000	510.000.000	3.000	170.000	510.000.000	3.000	170.000	510.000.000	3.000	170.000	510.000.000
	Cồn sát trùng	lít	300	35.000	10.500.000	300	35.000	10.500.000	300	35.000	10.500.000	300	35.000	10.500.000	300	35.000	10.500.000
VIII	Chi phí khác				557.804.067			619.563.868			619.638.868			619.638.868			619.638.868
1	Chi phí thuê mướn				10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000
	Thuê áp tải vận chuyển gia súc, gia cầm,...	lần			10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000
2	Sửa chữa, thay thế thiết bị tiêu độc khử trùng				10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000			10.000.000
3	Chi khác: Chi phí tổ chức, tham dự hội nghị, tập huấn; văn phòng phẩm; sự cố tiêm phòng; chôn lấp, tiêu hủy gia súc, gia cầm; tiêm phòng đại dự phòng cho nhân viên thú y và kinh phí ứng dụng công nghệ phục vụ công tác phòng, chống dịch, ...				537.804.067			599.563.868			599.638.868			599.638.868			599.638.868
IX	Chi bồi dưỡng lực lượng tham gia phòng, chống dịch gia súc, gia cầm				760.000.000			2.280.000.000			2.280.000.000			2.280.000.000			2.280.000.000
	Chi bồi dưỡng VC-LĐ tham gia ngày nghỉ, lễ	người/ngày	500	200.000	100.000.000	1.500	200.000	300.000.000	1.500	200.000	300.000.000	1.500	200.000	300.000.000	1.500	200.000	300.000.000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2026			Năm 2027			Năm 2028			Năm 2029			Năm 2030		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Chi bồi dưỡng VC-LĐ tham gia ngày thường	người/ngày	1.000	100.000	100.000.000	3.000	100.000	300.000.000	3.000	100.000	300.000.000	3.000	100.000	300.000.000	3.000	100.000	300.000.000
	Cảnh sát giao thông tại các Trạm KD	quý	4	90.000.000	360.000.000	12	90.000.000	1.080.000.000	12	90.000.000	1.080.000.000	12	90.000.000	1.080.000.000	12	90.000.000	1.080.000.000
	Đoàn liên ngành Thành phố (các Sở ngành)	quý	4	50.000.000	200.000.000	12	50.000.000	600.000.000	12	50.000.000	600.000.000	12	50.000.000	600.000.000	12	50.000.000	600.000.000
X	Chi phí nhiên liệu đi lại đi lại kiểm tra, lấy mẫu, thăm định an toàn dịch và an toàn đại, trao đổi thông tin với các Tỉnh giáp ranh, kiểm tra công tác tiêm phòng,...				992.400.000			1.367.400.000			1.367.400.000			1.367.400.000			1.367.400.000
	Nhiên liệu xe Chi cục	lít		25.000	0	15.000	25.000	375.000.000	15.000	25.000	375.000.000	15.000	25.000	375.000.000	15.000	25.000	375.000.000
	Nhiên liệu xe cá nhân Phòng CNDT, P.TTPC, P.TCTH, P.TCHC	lít	3.000	25.000	75.000.000	3.000	25.000	75.000.000	3.000	25.000	75.000.000	3.000	25.000	75.000.000	3.000	25.000	75.000.000
	Nhiên liệu xe cá nhân Trạm CNTY khu vực	lít	33.696	25.000	842.400.000	33.696	25.000	842.400.000	33.696	25.000	842.400.000	33.696	25.000	842.400.000	33.696	25.000	842.400.000
	Nhiên liệu xe cá nhân phục vụ công tác kiểm dịch thủy sản	lít	1.000	25.000	25.000.000	1.000	25.000	25.000.000	1.000	25.000	25.000.000	1.000	25.000	25.000.000	1.000	25.000	25.000.000
	Nhiên liệu máy tiêu độc	lít	2.000	25.000	50.000.000	2.000	25.000	50.000.000	2.000	25.000	50.000.000	2.000	25.000	50.000.000	2.000	25.000	50.000.000
	TỔNG CỘNG				40.467.000.000			41.547.889.000			41.604.329.000			42.519.554.000			43.129.704.000